

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 29 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 23 tháng 02 năm 2022



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng vào, vùng quay tàu và khu nước trước
cầu cảng 30.000 DWT Bến cảng quốc tế Vĩnh Tân

BTN - 03 - 2022

Vùng biển: Tỉnh Bình Thuận

Căn cứ Đơn đề nghị số 25/CV-VTIP ngày 18/02/2022 của Công ty cổ phần cảng quốc tế Vĩnh Tân về việc công bố thông báo hàng hải độ sâu luồng vào, vùng quay tàu, khu nước trước cầu cảng 30.000 DWT Bến cảng quốc tế Vĩnh Tân; kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu từ QTVT_2202_01 đến QTVT_2202_04, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 02 năm 2022 và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng vào, vùng quay tàu và khu nước trước cầu cảng 30.000 DWT Bến cảng quốc tế Vĩnh Tân như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước luồng vào và vùng quay tàu:
 - 1.1. Khu vực 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8'	11°18'44,3" N	108°48'54,7" E	11°18'40,6" N	108°49'01,1" E
8	11°18'43,4" N	108°48'54,9" E	11°18'39,7" N	108°49'01,3" E
9	11°18'30,0" N	108°48'53,3" E	11°18'26,3" N	108°48'59,7" E
N3	11°18'03,4" N	108°49'06,1" E	11°17'59,7" N	108°49'12,5" E
N2'	11°17'55,2" N	108°49'11,9" E	11°17'51,5" N	108°49'18,4" E
N4'	11°17'51,9" N	108°49'05,8" E	11°17'48,2" N	108°49'12,2" E
N4	11°18'01,5" N	108°49'01,9" E	11°17'57,8" N	108°49'08,3" E
10	11°18'28,1" N	108°48'49,1" E	11°18'24,4" N	108°48'55,5" E
11'	11°18'38,1" N	108°48'44,3" E	11°18'34,4" N	108°48'50,8" E
12'	11°18'42,5" N	108°48'45,7" E	11°18'38,8" N	108°48'52,2" E

- Xuất hiện điểm độ sâu 9,4 m; 9,9 m; 10,1 m; 10,0 m; 9,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
9,4	11°18'34,8" N	108°48'46,5" E	11°18'31,1" N	108°48'53,0" E
9,9	11°18'22,7" N	108°48'56,7" E	11°18'19,0" N	108°49'03,2" E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
9,9	11°18'22,3" N	108°48'57,0" E	11°18'18,6" N	108°49'03,4" E
10,1	11°18'17,5" N	108°48'58,4" E	11°18'13,8" N	108°49'04,8" E
10,0	11°18'17,5" N	108°48'58,2" E	11°18'13,7" N	108°49'04,6" E
10,0	11°18'15,0" N	108°48'57,4" E	11°18'11,3" N	108°49'03,8" E
9,9	11°18'15,1" N	108°48'57,5" E	11°18'11,4" N	108°49'04,0" E
10,0	11°18'13,5" N	108°48'58,8" E	11°18'09,8" N	108°49'05,3" E
9,9	11°18'13,6" N	108°48'59,0" E	11°18'09,9" N	108°49'05,4" E
9,8	11°18'13,7" N	108°48'59,1" E	11°18'09,9" N	108°49'05,6" E
10,1	11°18'13,7" N	108°48'59,3" E	11°18'10,0" N	108°49'05,7" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực này được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,2 m.

1.2. Khu vực 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
N2'	11°17'55,2" N	108°49'11,9" E	11°17'51,5" N	108°49'18,4" E
N2	11°17'53,3" N	108°49'13,3" E	11°17'49,5" N	108°49'19,8" E
N1	11°17'42,6" N	108°49'35,8" E	11°17'38,9" N	108°49'42,2" E
N6	11°17'38,9" N	108°49'25,7" E	11°17'35,2" N	108°49'32,1" E
N5	11°17'47,5" N	108°49'07,5" E	11°17'43,8" N	108°49'14,0" E
N4'	11°17'51,9" N	108°49'05,8" E	11°17'48,2" N	108°49'12,2" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,4 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến số 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7	11°18'45,9" N	108°48'54,3" E	11°18'42,2" N	108°49'00,8" E
8'	11°18'44,3" N	108°48'54,7" E	11°18'40,6" N	108°49'01,1" E
12'	11°18'42,5" N	108°48'45,7" E	11°18'38,8" N	108°48'52,2" E
13'	11°18'44,3" N	108°48'46,3" E	11°18'40,5" N	108°48'52,8" E

- Xuất hiện điểm độ sâu 11,2 m; 11,3 m; 11,0 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,2	11°18'44,9" N	108°48'49,9" E	11°18'41,2" N	108°48'56,3" E
11,2	11°18'45,4" N	108°48'52,4" E	11°18'41,7" N	108°48'58,8" E
11,2	11°18'45,5" N	108°48'52,9" E	11°18'41,8" N	108°48'59,3" E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,0	11°18'45,6" N	108°48'53,3" E	11°18'41,9" N	108°48'59,7" E
11,3	11°18'45,8" N	108°48'54,1" E	11°18'42,1" N	108°49'00,5" E
11,0	11°18'45,8" N	108°48'54,3" E	11°18'42,1" N	108°49'00,7" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực này được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,4 m.

Đề biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty cổ phần cảng quốc tế Vĩnh Tân ⁽¹⁾./. *Đinh Thái Công*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng Cty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Dai}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1 Bộ Tư lệnh Hải quân 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP) - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping) - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) <ul style="list-style-type: none"> - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO) - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE) - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang - Cty Vận tải Biển Bắc 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển | <ol style="list-style-type: none"> 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM 20 Cty CP Cảng Sài Gòn 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Thuận 25 Sở GTVT tỉnh Bình Thuận 26 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Thuận 27 Đài thông tin Duyên hải Phan Thiết 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ 29 Công ty cổ phần cảng quốc tế Vĩnh Tân |
|--|--|

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



KHU VỰC 1

N2'

N4'

KHU VỰC 2

FLR.3
Số 2
R

Vị trí độ sâu khu nước trước Bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân
Kèm theo TBHH số: 29 /TBHH-TCTBDATHHVN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu QTVT_2202_02, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trục 108 độ 30 phút, mũi chiều 3 độ

79C
ĐÀ
GH
A
HAI

534694.7
1249076.3

Vị trí độ sâu khu nước trước Bến cảng quốc tế Vĩnh Tân

Kèm theo TBHH số: 29 /TBHH-TCTBDATHMM

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu QTVT_2202_04, tỷ lệ 1/1.000



BẾN SỐ 2

CẢNG QUỐC TẾ VĨNH TÂN

